

Số: 125/QĐ-CCTSKN-HC

Nghệ An, ngày 05 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố số liệu quyết toán ngân sách năm 2024
của Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư tỉnh Nghệ An

CHI CỤC TRƯỞNG
CHI CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 91/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ biên bản xét duyệt Quyết toán ngân sách năm 2024 giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường và Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư Nghệ An ngày 25/4/2025;

Xét đề nghị của Bà: Kế toán Trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Chi cục Thủy sản và Kiểm Ngư tỉnh Nghệ An (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Trưởng phòng, Trạm, Kế toán Trưởng, cán bộ công chức, viên chức, người lao động của Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư tỉnh Nghệ An thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nông Nghiệp và Môi Trường (báo cáo);
- Lưu VT, KT.(htt)

CHI CỤC TRƯỞNG



Mai Hồng Phong

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGHỆ AN
CHI CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ

**QUYẾT TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
 NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 125/QĐ-CCTSKN ngày 15 /6 /2025 của Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư)

ĐVT: Đồng

TT	NỘI DUNG	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị
1	2	3	4	5=4-3	6
A.	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I.	Số thu phí, lệ phí	510.110.000	510.110.000		
1	Lệ phí	101.780.000	101.780.000	0	0
-	Lệ phí cấp giấy phép khai thác thủy sản (Thông tư 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính)	101.780.000	101.780.000		
2	Phí	408.330.000	408.330.000		
-	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản (Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2021 của Bộ Tài chính)	5.130.000	5.130.000		
-	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản (Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2021 của Bộ Tài chính)	403.200.000	403.200.000		
II.	Chi từ nguồn thu phí được để lại	416.975.357	416.975.357	0	0
1	Chi quản lý hành chính	416.975.357	416.975.357	0	0
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	296.676.037	296.676.037		
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	120.299.320	120.299.320		
III.	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	182.933.000	182.933.000		
1	Lệ phí	101.780.000	101.780.000		
-	Lệ phí cấp giấy phép khai thác thủy sản	101.780.000	101.780.000		
2	Phí	81.153.000	81.153.000		
-	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản (Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2021 của Bộ Tài chính)	513.000	513.000		

TT	NỘI DUNG	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị
1	2	3	4	5=4-3	6
-	<i>Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản (Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2021 của Bộ Tài chính)</i>	80.640.000	80.640.000		
B.	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	15.364.172.719	15.364.172.719		
I.	Dự toán tự chủ	6.117.315.283	6.117.315.283		
-	Giao đầu năm theo QĐ 878/QĐ-SNN.KHTC	5.725.000.000	5.725.000.000		
-	Giao bổ sung trong năm từ nguồn cải cách tiền lương	392.315.283	392.315.283		
II.	Dự toán không giao tự chủ	9.246.857.436	9.246.857.436		
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	5.418.937.333	5.418.937.333		
1.1	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, đề án thuộc ngành, lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	2.480.502.758	2.480.502.758		
-	KP duy trì website Chi cục Thủy sản	45.000.000	45.000.000		
-	KP trực ngoài giờ vận hành Hệ thống giám sát hành trình tàu cá	483.000.000	483.000.000		
-	Kinh phí thực hiện hoạt động công tác chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (Khai thác IUU)	1.952.502.758	1.952.502.758		
1.2	KP sự nghiệp khai thác và bảo vệ nguồn lợi, nuôi trồng thủy sản	2.627.754.575	2.627.754.575		
-	KP sự nghiệp Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản	2.184.490.995	2.184.490.995		
-	Kinh phí thực hiện kiểm tra hoạt động khai thác bất hợp pháp theo Thông tư 21/2018/TT-BNNPTNT	43.999.775	43.999.775		
-	Kinh phí quản lý chỉ đạo thực hiện QĐ 48/2010/QĐ-TTg	128.998.956	128.998.956		
-	Kinh phí quản lý chỉ đạo thực hiện NĐ 67/2014/NĐ-CP	16.986.615	16.986.615		
-	Kinh phí sự nghiệp Nuôi trồng thủy sản	253.278.234	253.278.234		
1.3	Kinh phí mua sắm tài sản	175.680.000	175.680.000		
1.4	Kinh phí sửa chữa tài sản	135.000.000	135.000.000		
-	Sửa chữa xe ô tô	45.000.000	45.000.000		
-	Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị Trạm bờ	90.000.000	90.000.000		
2	Kinh phí sự nghiệp môi trường	53.028.400	53.028.400		

TT	NỘI DUNG	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị
1	2	3	4	5=4-3	6
-	KP thực hiện kế hoạch quan trắc cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản	53.028.400	53.028.400		
3	Nguồn KP chính sách Nông nghiệp	2.429.282.764	2.429.282.764		
-	<i>Bảo tồn quỹ gen, giống gốc, phát triển nguồn lợi thủy sản</i>	399.440.000	399.440.000		
-	<i>Áp dụng công nghệ mới về nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng</i>	900.000.000	900.000.000		
	<i>Chính sách tài thủy lực</i>	1.089.850.000	1.089.850.000		
-	<i>Kinh phí quản lý chi đạo</i>	39.992.764	39.992.764		
4	Kinh phí giao bổ sung	1.054.139.939	1.054.139.939		
-	KP thực hiện nhiệm vụ khẩn cấp chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (Khai thác IUU)	673.039.939	673.039.939		
-	Kinh phí cải cách tiền lương	197.000.000	197.000.000		
-	Kinh phí quỹ tiền thưởng	184.100.000	184.100.000		
5	Kinh phí xây dựng CTMTQG xây dựng nông thôn mới	291.469.000	291.469.000		

CHI CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ NGHỆ AN

Uat

THUYẾT MINH SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 45/QĐ-CCTSKN-HC ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư)

I. Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí

1. Số thu phí, lệ phí:

- Số thu lệ phí: Năm 2024, Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư thu lệ phí cấp giấy

phép khai thác thủy sản theo Thông tư 94/2021/TT-BTC là 101.780.000 đồng, đạt 247% so với kế hoạch giao, tăng 1607 % so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân do năm 2024 đến thời hạn cấp hạn ngạch giấy phép 5 năm 01 lần cho các tàu cá hoạt động.

- Số thu phí: Năm 2024, đơn vị thu được số phí là 408.330.000 đồng, đạt 97% so với dự toán giao, giảm 43 % so với cùng kỳ năm 2023.

Nguyên nhân:

Ngày 17/5/2023, Tổng cục Thủy sản đã ban hành Quyết định số 183/QĐ-TCTS-KTTS về việc công nhận và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá. Theo đó Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư Nghệ An được công nhận và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá loại III, chỉ được thực hiện đăng kiểm tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 15 mét.

Tuy nhiên hiện nay, công tác đăng kiểm tàu cá được xã hội hóa, cơ sở đăng kiểm tàu cá hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được giao (đối với trường hợp là cơ sở đăng kiểm sự nghiệp công lập) hoặc theo Luật doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã theo quy định tại Điều 56, Nghị định số 37/2024/NĐ-CP. Qua năm bắt hiện nay trên địa bàn tỉnh Nghệ An có nhiều cơ sở đăng kiểm tàu cá triển khai thực hiện đăng kiểm cho tàu cá tỉnh Nghệ An. Các cơ sở đăng kiểm này thực hiện kiểm tra đăng kiểm, thu phí tại tàu và trả kết quả trực tiếp cho người dân, thủ tục đơn giản. Trong khi nếu người dân liên hệ với Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư để thực hiện đăng kiểm thì phải nộp hồ sơ, nộp phí, lấy kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh dẫn đến tình trạng người dân không muốn đi lại Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư để thực hiện công tác đăng kiểm. Chính vì vậy nên trong năm 2024, đơn vị không nhận được đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá nào từ người dân. Do đó làm giảm phí đăng

kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá theo Thông tư 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 với số tiền 35.137.000 đồng.

2. Chi từ nguồn thu phí để lại

Tổng chi từ nguồn thu phí năm 2024 của đơn vị là 416.975.357 đồng, đạt 64 % so với dự toán giao và tăng 25% so với cùng kỳ năm 2023.

3. Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước

Năm 2024, Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư nộp số thu phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước là 182.933.000 đồng, đạt 101% so với dự toán giao và giảm 39 % so với cùng kỳ năm 2023.

II. Quyết toán chi ngân sách nhà nước

1. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ:

- Kinh phí giao theo Thông báo giao đầu năm: 5.756.000.000 đồng.
- Kinh phí giao bổ sung trong năm từ nguồn kinh phí cải cách tiền lương: 392.315.283 đồng.
- Kinh phí giảm trừ tiết kiệm 5% theo quy định: 31.000.000 đồng
- Tổng kinh phí tự chủ đã sử dụng trong năm: 6.117.315.283 đồng, đạt 100% so với dự toán và bằng so với cùng kỳ năm 2023.

2. Nguồn kinh phí không giao tự chủ

2.1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo Thông báo giao đầu năm

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo Thông báo giao đầu năm được cấp với tổng số tiền: 5.535.000.000 đồng; giảm trừ tiết kiệm 110.846.000 đồng; số kinh phí còn lại được sử dụng: 5.424.154.000 đồng.
- Tổng kinh phí đã sử dụng trong năm: 5.418.937.333 đồng, đạt 97 % so với dự toán giao và tăng 5% so với cùng kỳ năm 2023.
- Kinh phí không sử dụng hết, hủy dự toán: 5.216.667 đồng.

Nhìn chung, nguồn kinh phí trên đơn vị đã giải ngân đạt tỷ lệ cao, sử dụng hiệu quả. Số kinh phí không thực hiện hết do tiết kiệm từ nguồn kinh phí mua sắm do áp dụng hình thức mua sắm tập trung, một số nội dung khác chỉ không hết, hủy dự toán.

2.2. Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường thực hiện kế hoạch quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản

- Dự toán được giao: 810.000.000 đồng; giảm trừ tiết kiệm: 31.154.000 đồng, số kinh phí còn lại được sử dụng: 778.846.000 đồng.
- Kinh phí đã sử dụng trong năm: 53.028.400 đồng, đạt 6% so với dự toán giao.

- Kinh phí chưa sử dụng, hủy dự toán: 725.817.600 đồng. Trong năm, đơn vị không thực được gói thầu quan trắc, giám sát môi trường do vướng mắc liên quan đến văn bản pháp lý.

2.3. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn

- Nguồn kinh phí được giao trong năm: 2.429.850.000 đồng.

Trong đó:

+ Kinh phí được giao theo Thông báo giao đầu năm: 1.040.000.000 đồng.

+ Kinh phí giao bổ sung trong năm: 1.389.850.000 đồng.

- Kinh phí đã sử dụng trong năm: 2.429.282.764 đồng, đạt 99,9% so với dự toán giao.

- Kinh phí chưa sử dụng, hủy dự toán: 567.236 đồng.

2.4. Kinh phí giao bổ sung trong năm

- Năm 2024, Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư được giao bổ sung 1.532.100.000 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khẩn cấp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (Khai thác IUU): 1.151.000.000 đồng.

+ Kinh phí cải cách tiền lương (mã nguồn 12): 197.000.000 đồng.

+ Kinh phí quỹ tiền thưởng: 184.100.000 đồng.

- Kinh phí đã sử dụng trong năm: 1.054.139.939 đồng, đạt 68% so với dự toán giao.

- Kinh phí không sử dụng, hủy dự toán: 61 đồng

- Kinh phí chuyển năm sau tiếp tục sử dụng: 477.960.000 đồng.

2.5. Nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

- Nguồn kinh phí năm trước mang sang: 310.458.800 đồng.

- Nguồn kinh phí giao trong năm từ ngân sách địa phương: 300.000.000 đồng.

- Nguồn kinh phí đã sử dụng trong năm: 291.469.000 đồng, đạt 48% so với dự toán giao.

- Nguồn kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau: 318.989.800 đồng. *Ucal*

CHI CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ NGHỆ AN